DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
GPMB: Thực hiện dự án cụm công nghiệp Quang Diệm

(Kèm theo Quyết định số 892 /QĐ -UBND ngày 15 /10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Giang)

TT	Họ và Tên *(Chủ sử dụng đất)*	Địa chỉ thường trú *(thôn)*	Diện tích thu hồi *(m^2)*	Địa chỉ thửa đất			Loại đất *(Ký hiệu)*	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Địa chỉ		
1	**Hà Thị Xuân**	**Diệm Hồng**	**369.3**					
-	Hà Thị Xuân	Diệm Hồng	369.3	178	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
2	**Phạm Đình Quang**	**Diệm Hồng**	**204.2**					
-	Phạm Đình Quang	Diệm Hồng	105.6	672	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Phạm Đình Quang	Diệm Hồng	98.6	675	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
3	**Nguyễn Đắc**	**Diệm Hồng**	**437.2**					
-	Nguyễn Đắc	Diệm Hồng	224.3	594	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Đắc	Diệm Hồng	212.9	608	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
4	**Nguyễn Văn Linh**	**Diệm Hồng**	**215.7**					
-	Nguyễn Văn Linh	Diệm Hồng	215.7	637	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
5	**Tô Thị Lan**	**Diệm Hồng**	**139.2**					
-	Tô Thị Lan	Diệm Hồng	139.2	7	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	

6	**Nguyễn Thị Hải**	**Diệm Hồng**	**711.0**					
-	Nguyễn Thị Hải	Diệm Hồng	504.7	65	81	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Thị Hải	Diệm Hồng	206.3	33	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
7	**Phan Xuân Lộc**	**Diệm Hồng**	**465.2**					
-	Phan Xuân Lộc	Diệm Hồng	315.9	151	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Phan Xuân Lộc	Diệm Hồng	149.3	94	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
8	**Hồ Quốc Toàn**	**Diệm Hồng**	**349.5**					
-	Hồ Quốc Toàn	Diệm Hồng	262.3	141	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hồ Quốc Toàn	Diệm Hồng	87.2	30	82	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
9	**Lê Thế Mạnh**	**Diệm Hồng**	**585.6**					
-	Lê Thế Mạnh	Diệm Hồng	312.5	61	81	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Lê Thế Mạnh	Diệm Hồng	25.2	190	69	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Lê Thế Mạnh (Hà Thị Xanh)	Diệm Hồng	247.9	661	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
10	**Hồ Hữu Phúc**	**Diệm Hồng**	**216.6**					
-	Hồ Hữu Phúc	Diệm Hồng	216.6	34	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

11	**Nguyễn Hữu Ái**	**Diệm Hồng**	**139.2**					
-	Nguyễn Hữu Ái	Diệm Hồng	139.2	154	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
12	**Đào Viết Thắng**	**Diệm Hồng**	**82.7**					
-	Đào Viết Thắng	Diệm Hồng	82.7	201	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
13	**Nguyễn Văn Hải**	**Diệm Hồng**	**155.8**					
-	Nguyễn Văn Hải	Diệm Hồng	155.8	677	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
14	**Đào Xuân Lộc**	**Diệm Hồng**	**180.9**					
-	Đào Xuân Lộc	Diệm Hồng	180.9	152	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
15	**Tô Quang Đương**	**Diệm Hồng**	**175.5**					
-	Tô Quang Đương	Diệm Hồng	175.5	673	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
16	**Nguyễn Thị Bắc**	**Diệm Hồng**	**758.8**					
-	Nguyễn Thị Bắc	Diệm Hồng	169.3	44	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Thị Bắc	Diệm Hồng	236.1	149	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Thị Bắc	Diệm Hồng	281.9	176	71	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Thị Bắc	Diệm Hồng	71.5	24	82	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

17	**Nguyễn Thị Minh**	**Diệm Hồng**	**198.3**					
-	Nguyễn Thị Minh	Diệm Hồng	198.3	102	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
18	**Hồ Quốc Hậu**	**Diệm Hồng**	**877.1**					
-	Hồ Quốc Hậu	Diệm Hồng	578.5	83	82	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hồ Quốc Hậu	Diệm Hồng	298.6	147	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
19	**Trần Văn Luận**	**Diệm Hồng**	**119.0**					
-	Trần Văn Luận	Diệm Hồng	119.0	99	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
20	**Phan Tá Kình**	**Diệm Hồng**	**206.2**					
-	Phan Tá Kình	Diệm Hồng	206.2	101	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
21	**Phan Đình Tạo**	**Diệm Hồng**	**166.3**					
-	Phan Đình Tạo	Diệm Hồng	166.3	103	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
22	**Phan Tuấn**	**Diệm Hồng**	**168.7**					
-	Phan Tuấn	Diệm Hồng	168.7	104	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
23	**Nguyễn Thành Vinh**	**Diệm Hồng**	**349.8**					
-	Nguyễn Thành Vinh	Diệm Hồng	349.8	105	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

24	**Hồ Sỹ Đức**	**Diệm Hồng**	**458.6**					
-	Hồ Sỹ Đức	Diệm Hồng	458.6	107	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
25	**Hồ Công Trí (Đào Thị Thủy)**	**Diệm Hồng**	**255.5**					
-	Hồ Công Trí (Đào Thị Thủy)	Diệm Hồng	255.5	176	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
26	**Phạm Thị Thanh**	**Diệm Hồng**	**721.0**					
-	Phạm Thị Thanh	Diệm Hồng	721.0	626	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
27	**Phan Đình Thuần (Trần Thị Nhung)**	**Diệm Hồng**	**527.0**					
-	Phan Đình Thuần (Trần Thị Nhung)	Diệm Hồng	527.0	631	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
28	**Nguyễn Thị Hảo (Nguyễn Trung Kiên)**	**Diệm Hồng**	**1,009.3**					
-	Nguyễn Thị Hảo (Nguyễn Trung Kiên)	Diệm Hồng	882.5	500	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Thị Hảo (Nguyễn Trung Kiên)	Diệm Hồng	126.8	17	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
29	**Nguyễn Xuân Lý (Thái Thị Sâm)**	**Diệm Hồng**	**222.0**					
-	Nguyễn Xuân Lý (Thái Thị Sâm)	Diệm Hồng	222.0	121	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
30	**Nguyễn Minh**	**Diệm Hồng**	**456.1**					
-	Nguyễn Minh	Diệm Hồng	254.4	148	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

-	Nguyễn Minh	Diệm Hồng	201.7	19	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
31	**Nguyễn Đình Tiến**	**Diệm Hồng**	**71.2**					
-	Nguyễn Đình Tiến	Diệm Hồng	71.2	23	82	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
32	**Phan Thanh Thảo (Nguyễn Thị Nở)**	**Diệm Hồng**	**390.4**					
-	Phan Thanh Thảo (Nguyễn Thị Nở)	Diệm Hồng	390.4	457	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
33	**Hồ Viết Nhật**	**Quang Thủy**	**87.3**					
-	Hồ Viết Nhật (Phan Thị Dụng)	Quang Thủy	87.3	31	82	Quang Thủy	Đất trồng cây hàng năm khác	
34	**Phạm Hữu Hoàng**	**Diệm Long**	**213.3**					
-	Phạm Hữu Hoàng	Diệm Long	213.3	48	82	Diệm Long	Đất chuyên trồng lúa nước	
35	**Nguyễn Đình Quyến, Nguyễn Thị Kim**	**Diệm Hồng**	**354.4**					
-	Nguyễn Đình Quyến, Nguyễn Thị Kim	Diệm Hồng	354.4	56	81	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
36	**Nguyễn Văn Đường, Lê Thị Thành**	**Diệm Hồng**	**100.2**					
-	Nguyễn Văn Đường, Lê Thị Thành	Diệm Hồng	100.2	90	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
37	**Trần Thị Lý - Hồ Văn Hoàng**	**Diệm Hồng**	**543.7**					
-	Ngô Đức Thuyết - Ngô Lý	Diệm Hồng	59.4	218	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

-	Ngô Đức Thuyết - Ngô Lý	Diệm Hồng	314.7	352	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
38	**Ngô Đức Thuyết - con Ngô Lý**	**Diệm Hồng**	**374.1**					
-	Trần Thị Lý	Diệm Hồng	304.6	513	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Trần Thị Lý	Diệm Hồng	239.1	506	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
39	**Đinh Công Hoan (Đinh Công Hân)**	**Diệm Hồng**	**243.7**					
-	Đinh Công Hân (Đinh Công Hoan)	Diệm Hồng	243.7	409	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
40	**Nguyễn Thị Bân**	**Diệm Hồng**	**180.5**					
-	Nguyễn Thị Bân	Diệm Hồng	180.5	172	70	Diệm Hồng	Đất trồng lúa nước còn lại	
41	**Nguyễn Chí Công - Nguyễn Thị Mai**	**Diệm Hồng**	**179.7**					
-	Nguyễn Chí Công - Nguyễn Thị Mai	Diệm Hồng	179.7	79	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
42	**Đinh Công Thăng**	**Diệm Hồng**	**324.9**					
-	Đinh Công Thăng	Diệm Hồng	324.9	216	71	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
43	**Nguyễn Thị Mận - Đinh Trọng Tài**	**Diệm Hồng**	**431.9**					
-	Đinh Trọng Tài	Diệm Hồng	258.6	193	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Đinh Trọng Tài	Diệm Hồng	173.3	140	71	Diệm Hồng	Đất trồng lúa nước còn lại	

44	**Bùi Trọng Huệ, Phạm Thị Phiến**	**Diệm Hồng**	**234.3**					
-	Bùi Trọng Huệ, Phạm Thị Phiến	Diệm Hồng	234.3	444	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
45	**Hồ Thị Thanh - 1940**	**Diệm Hồng**	**140.0**					
-	Hồ Thị Thanh -1940	Diệm Hồng	140.0	660	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
46	**Hồ Thị Thanh - 1938**	**Xuân Mai**	**866.6**					
-	Hồ Thị Thanh -1938	Xuân Mai	418.0	493	70	Xuân Mai	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hồ Thị Thanh 1938 - Nguyễn Văn Hào con trai	Diệm Hồng	448.6	206	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
47	**Hà Vượng - Hà Huy Thảo**	**Diệm Hồng**	**1,254.1**					
-	Hà Vượng - Hà Huy Thảo	Diệm Hồng	294.5	214	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hà Vượng - Hà Huy Thảo	Diệm Hồng	675.0	564	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hà Vượng - Hà Huy Thảo	Diệm Hồng	284.6	508	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
48	**Bùi Trọng Tuyên, Phan Thị Hồng Thắm**	**Diệm Hồng**	**495.6**					
-	Bùi Trọng Tuyên, Phan Thị Hồng Thắm	Diệm Hồng	362.7	247	69	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Bùi Trọng Tuyên, Phan Thị Hồng Thắm	Diệm Hồng	132.9	434	57	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
49	**Lê Trọng Thân, Bùi Thị Lý**	**Diệm Hồng**	**563.7**					

-	Lê Trọng Thân, Bùi Thị Lý	Diệm Hồng	303.9	349	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Lê Trọng Thân, Bùi Thị Lý	Diệm Hồng	259.8	350	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
50	**Nguyễn Thị Liên 1947**	**Diệm Hồng**	**309.5**					
-	Nguyễn Thị Liên 1947	Diệm Hồng	140.7	146	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Thị Liên 1947	Diệm Hồng	168.8	205	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
51	**Hoàng Thị Sáng**	**Diệm Hồng**	**1,119.8**					
-	Hoàng Thị Sáng	Diệm Hồng	289.8	626	69	Diệm Hồng	Đất trồng lúa nước còn lại	
-	Hoàng Thị Sáng	Diệm Hồng	27.1	205	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hoàng Thị Sáng	Diệm Hồng	26.6	207	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hoàng Thị Sáng	Diệm Hồng	423.1	463	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Hoàng Thị Sáng	Diệm Hồng	353.2	554	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
52	**Nguyễn Thị Khuê - Nguyễn Tuấn Hiệp**	**Diệm Hồng**	**1,721.2**					
-	Nguyễn Tuấn Hiệp - Nguyễn Thị Khuê	Diệm Hồng	390.7	409	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Tuấn Hiệp - Nguyễn Thị Khuê	Diệm Hồng	176.7	171	70	Diệm Hồng	Đất trồng lúa nước còn lại	
-	Nguyễn Tuấn Hiệp - Nguyễn Thị Khuê	Diệm Hồng	315.8	253	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	

-	Nguyễn Tuấn Hiệp - Nguyễn Thị Khuê	Diệm Hồng	465.6	265	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Tuấn Hiệp - Nguyễn Thị Khuê	Diệm Hồng	372.4	466	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
53	**Phan Thị Hoa (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)**	**Diệm Hồng**	**855.6**					
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	179.5	148	69	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	102.3	200	69	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	179.5	246	69	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	25.5	113	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	289.1	545	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
-	Nguyễn Đình Kiên (Nguyễn Đình Cường, Nguyễn Thị Nguyệt)	Diệm Hồng	79.7	210	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
54	**Phan Thanh Huấn, Hoàng Thị Anh**	**Diệm Hồng**	**164.9**					
-	Phan Thanh Huấn, Hoàng Thị Anh	Diệm Hồng	164.9	452	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
55	**Nguyễn Thị Hồng, Phan Kế Soa**	**Diệm Hồng**	**454.0**					
-	Nguyễn Thị Hồng, Phan Kế Soa	Diệm Hồng	454.0	80	82	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
56	**Hồ Xuân Cường - đất UB**	**Diệm Hồng**	**8,869.4**					
-	Hồ Xuân Cường - đất UB	Diệm Hồng	7,626.8	84	82	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	

-	Hồ Xuân Cường - đất UB	Diệm Hồng	1,242.6	85	82	Diệm Hồng	Đất nuôi trồng thủy sản	
57	**Nguyễn Thị Lành - đất UB**	**Diệm Hồng**	**5,053.4**					
-	Nguyễn Thị Lành - đất UB	Diệm Hồng	4,291.2	623	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
-	Nguyễn Thị Lành - đất UB	Diệm Hồng	762.2	629	70	Diệm Hồng	Đất trồng cây hàng năm khác	
58	**Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Trung**	**Diệm Hồng**	**348.7**					
-	Nguyễn Thị Hồng - Nguyễn Thị Trung	Diệm Hồng	348.7	37	82	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	
59	**Nguyễn Đức Đồng (Nguyễn Thị Thái)**	**Đồng Sơn**	**180.1**					
-	Nguyễn Đức Đồng (Nguyễn Thị Thái)	Diệm Hồng	180.1	635	70	Diệm Hồng	Đất chuyên trồng lúa nước	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN GIANG